|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  Số: /KH-THPT THĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**Năm học 2021 - 2022**

**I. Đặc điểm tình hình**

***1. Số lớp – học sinh***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Tổng số học sinh | Học sinh nữ | Học sinh Dân tộc | Số lớp | Số học sinh/lớp |
| 10 | 845 | 519 | 12 | 19 | 44,5 |
| 11 | 861 | 453 | 14 | 19 | 45,3 |
| 12 | 860 | 449 | 12 | 20 | 43 |
| Tổng toàn trường | 2566 | 1419 | 40 | 58 | 44,2 |

***2. Tình hình đội ngũ:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn | Xếp loại Chuẩn nghề nghiệp GV | Nhiệm vụ trong năm học 2021-2022 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

***3. Thiết bị dạy học:*** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục như tranh, mô hình, ống nghiệm….môn không có thầy cô ghi không có)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

***4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập*** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục… môn không có thầy cô ghi không có)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

***1. Phân phối chương trình***

***2. Chuyên đề lựa chọn***

*(Đính kèm Khung kế hoạch dạy học bộ môn)*

***3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 2 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 2 |  |  |  |  |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

***4. Tổ chức dạy học qua internet (phần này thầy cô ghi những nội dung mà môn thầy cô có ý định dạy học trực tuyến khi học sinh đã đi học trực tiếp bình thường nhằm mục đích đảm bảo thực hiện chương trình. Ví dụ môn Sinh học, nội dung “Xem phim về tập tính”….Nếu không có thầy cô ghi “Không”***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Khối | Nội dung  /chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức thực hiện  (4) | Công cụ/phần mềm  (5) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

*(4) Mô tả quy trình, cách thức thực hiện của giáo viên và học sinh (lưu ý: xây dựng học động học hình thành và phát huy năng lực tự học của người học).*

*(5) Sử dụng hệ thống LMS hay các phần mềm khác, tuy nhiên phải đáp ứng được các yêu cầu sau:*

*- Thuận lợi cho người học, giáo viên và nhà quản lý.*

*- Hệ thống được kết nối với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thành phố.*

*- Đảm bảo xây dựng được các công cụ kiểm tra đánh giá quá trình học của học sinh (tham gia, hoàn thành, thực hiện các yêu cầu, bài kiểm tra…………..).*

**III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn**

*(Nội dung này chính là ngoại khóa, tiết học ngoài nhà trường, thầy cô tổ chứcbao nhiêu nội dung thì thầy làm thành bấy nhiêu mục nhỏ, nếu không có thầy cô ghi “Không”). VD: Môn Sinh học*

***1. Khối 12 - Sĩ số 862 (dự kiến)***

|  |  |
| --- | --- |
| Chủ đề (1) | Tham quan hệ sinh thái ở Đà Lạt – Lâm Đồng |
| Yêu cầu cần đạt (2) |  |
| Số tiết (3) |  |
| Thời điểm (4) | Tháng 1/2021 |
| Địa điểm (5) |  |
| Chủ trì (6) | Thầy Phạm Ngọc Trung Dương |
| Phối hợp (7) | Công ty du lịch…. |
| Điều kiên thực hiện (8) |  |

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

**IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Phân công thực hiện | Thời điểm  thực hiện | Ghi chú |
| Sinh hoạt tổ chuyên môn | Tất cả các thành viên tham gia | 2 lần/tháng | Vào ngày chuyên môn tuần đầu và cuối tháng |
| Sinh hoạt chuyên môn theo NCBH |  | HKI hoặc HKII | Ít nhất một năm một lần tất cả các môn |
| Tiết tốt | Tất cả thành viên | HKI hoặc HKII | Mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 1 tiết/năm CTCĐ; Bí thư CĐGV; TrLTN; TTCM; TPCM; Phụ trách các đội tuyển (không bắt buộc, nếu thực hiện được cộng điểm theo tiêu chí thi đua |
| Dự giờ | Tất cả thành viên | HKI hoặc HKII | Mỗi giáo viên dự 2 tiết/HK (nếu thực hiện nhiều hơn được cộng điểm theo tiêu chí thi đua) |
| Thanh tra nội bộ |  |  | Tổ có TTCM; TPCM thực hiện 2 thanh tra 2 giáo viên/năm; Tổ có TTCM thực hiện 1thanh tra 1 giáo viên/ năm |

**V. Các nội dung khác:**

***1. Triển khai văn bản 4363/GDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số***

Giáo viên trong tổ tăng cường xây dựng và sử dụng kho học liệu số toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung và đóng góp vào hệ tri thức Việt số hoá quốc gia tại địa chỉ <http://tracnghiem.itrithuc.vn/>

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, tổ chức bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao năng lực cho giáo viên về việc biên soạn và xây dụng ngân hàng câu hỏi trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triên năng lục học sinh.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn để cụ thể hoá tiêu chí 4 mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của câu hỏi kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn giáo viên sử dụng công cụ biên soạn câu hỏi trên mạng để xây dựng và sử dụng có hiẹu quả ngân hàng câu hỏi trực tuyến trong quá trình dạy học.

*(môn nào không phù hợp với ý trên thầy cô bỏ ý đó)*

***2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu***

***3. Tham gia cuộc thi, hội thi***

***4. Câu lạc bộ học thuật***

**5. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học**

**6. Nội dung khác**

*(mục 2 đến mục 6 có thì thầy cô ghi: Như giáo viên phụ trách, yêu cầu đạt được….)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** | *TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Hàn Thanh Tùng** |